



TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ HỢP TÁC KINH TẾ - THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC HIỆN NAY

ĐINH CÔNG TUẤN *

TRONG xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, Trung Quốc và Việt Nam là những nước có tỷ lệ tăng trưởng kinh tế khá cao. Hơn 26 năm cải cách và mở cửa, tăng trưởng GDP bình quân của Trung Quốc đạt khoảng 9%. Việt Nam cũng đạt gần 7% tăng trưởng GDP bình quân trong gần 20 năm đổi mới. Riêng trong lĩnh vực xuất khẩu, nếu như Trung Quốc xuất khẩu khoảng 600 tỉ USD (chiếm gần 50% GDP), thì xuất khẩu của Việt Nam cũng lên tới 26 tỉ USD (chiếm hơn 50% GDP). Ngoại thương của hai nước đóng vai trò hết sức to lớn trong công cuộc phát triển kinh tế đất nước. Năm 2004, giá trị kim ngạch xuất khẩu giữa hai nước đạt 7,2 tỉ USD ⁽¹⁾. Cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu giữa hai nước cũng không ngừng phát triển.

1 - Tình hình kinh tế - thương mại của Việt Nam và Trung Quốc gần đây

a - Kinh tế - thương mại của Việt Nam

Năm 1986, Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới nền kinh tế đất nước. Gần 20 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam luôn đạt mức tăng trưởng cao (gần 7%/năm), được thế giới xếp vào các nước có nền kinh tế năng động nhất. Nếu như năm 2003, GDP tăng trưởng 7,3% thì năm 2004 là 7,7%, đạt 361,4 nghìn tỉ đồng.

Trong đó, khu vực nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3,3%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,3%; dịch vụ tăng 7,3%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 1998 đến nay. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tiến bộ dần ⁽²⁾. Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng trở lại sau một số năm giảm sút, tính chung cả năm thu hút khoảng 4,1 tỉ USD. Kim ngạch xuất khẩu cả năm đạt 26 tỉ USD; kim ngạch nhập khẩu đạt 31,5 tỉ. Như vậy, nhập siêu đạt 5,5 tỉ USD, bằng 21,2% kim ngạch xuất khẩu ⁽³⁾. Tính đến hết tháng 7-2005, kim ngạch xuất khẩu đạt 17,4 tỉ USD, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2004; kim ngạch nhập khẩu đạt 21,1 tỉ USD, tăng 20,5% so với cùng kỳ ⁽⁴⁾.

Năm 2004, Việt Nam đã thành lập mới hơn 35.000 doanh nghiệp; tạo việc làm cho 1,5 triệu lao động; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 10%; chỉ số tăng giá tiêu dùng ở mức cho phép 9,5%. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn giữ

* TS, Phó Tổng biên tập Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, Viện Nghiên cứu châu Âu

(1) Báo Lao Động, ngày 19-7-2005, tr 3

(2) Báo Nhân Dân cuối tuần, số 1, ngày 2-1-2005

(3) Tạp chí Cộng sản, số 1, tháng 1-2005, tr 9, 10

(4) Tài liệu họp báo, phiên họp Chính phủ thường kỳ, ngày 29-7-2005

vững xã hội ổn định phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, an ninh - quốc phòng được bảo đảm. Hiện nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 167 nước, có quan hệ kinh tế thương mại với hơn 160 nước và vùng lãnh thổ, là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN), Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM). Chính phủ Việt Nam khuyến khích và tạo thuận lợi cho đầu tư trực tiếp nước ngoài, từ năm 1988 đến nay, các doanh nghiệp của hơn 69 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư vào Việt Nam gần 25 tỉ USD. Trao đổi thương mại hai chiều giữa Việt Nam và các nước trên thế giới tăng mạnh mẽ trong gần 2 thập kỷ qua. Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu lớn nhất thế giới hiện nay về các mặt hàng như gạo, cà phê, cao su, hải sản. Trước mắt, một trong những mục tiêu quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là việc trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Hiện, trong tiến trình gia nhập tổ chức này, Việt Nam đã đạt được một số thành quả đáng kể như: thực hiện bước chuyển quan trọng sang đàm phán mở cửa thị trường; cam kết cắt giảm hầu hết các dòng thuế trong biểu thuế 8 số với mức thuế bình quân còn khoảng 18%; giảm áp dụng hạn ngạch thuế quan từ 13 xuống còn 6 nhóm hàng; cam kết mở cửa cho 92 phân ngành dịch vụ, trong đó có những ngành dịch vụ quan trọng như dịch vụ kinh doanh, dịch vụ viễn thông và tài chính... Với những cố gắng vượt bậc này, Việt Nam quyết tâm sớm gia nhập WTO.

Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu to lớn và cơ bản đã đạt được, tình hình kinh tế, xã hội nước ta năm 2004 vẫn còn một số yếu kém. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung còn ở mức thấp so với kế hoạch. Chất lượng tăng trưởng, tính bền vững và độ đồng đều chưa cao (điều này được thể hiện trong các ngành sản xuất và dịch vụ). Trong công nghiệp, giá trị sản xuất

tăng 16% nhưng giá trị tăng thêm chỉ tăng 0,7%. Tốc độ tăng trưởng của một số sản phẩm công nghiệp khai thác còn phụ thuộc vào thị trường thế giới. Giá hàng hóa, dịch vụ trong nước tăng cao, ở mức cao nhất trong khu vực.

b - Kinh tế - thương mại của Trung Quốc

Năm 2004, Trung Quốc kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1-10). Năm mươi lăm năm qua, đặc biệt là sau 26 năm cải cách và mở cửa, với sự cố gắng bền bỉ, đất nước này đã giành được những thành tựu to lớn, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển kinh tế, được cả thế giới quan tâm, theo dõi. Có thể khái quát bằng những thành tựu sau đây⁽⁵⁾:

Thứ nhất, Trung Quốc đã xây dựng cơ bản chế độ công hữu làm chủ thể, phát triển các loại hình kinh tế có chế độ sở hữu khác nhau, cụ thể là:

- Kinh tế quốc hữu đã phát triển mạnh hơn trong quá trình cải cách và điều chỉnh, luôn chiếm vị trí chi phối trong các ngành quan trọng. Những lĩnh vực then chốt liên quan đến huyết mạch và sự an ninh của nền kinh tế quốc dân bao gồm dầu mỏ, hóa dầu, luyện kim, điện lực, đường sắt, hàng hóa, hàng không vũ trụ.

- Kinh tế tập thể có bước phát triển mới trong cải cách và tái cơ cấu. Các thành phần kinh tế phi công hữu như kinh tế cá thể, tư nhân, có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh mẽ, trở thành lực lượng quan trọng thúc đẩy nền kinh tế quốc dân tăng trưởng nhanh chóng. Tỷ lệ đóng góp của kinh tế cá thể và tư nhân vào GDP tăng từ 1% lên 20%.

- Cải cách về chế độ phân phối thu nhập không ngừng đi vào chiều sâu, tuân theo nguyên tắc "ưu tiên hiệu suất", "tính đến công bằng", với việc lấy chế độ hưởng theo lao động làm chủ thể, nhiều phương thức phân phối khác cũng tồn tại.

(5) Xem: *Tạp chí Cộng sản*, số 18, tháng 9-2004, tr 72

- Thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa được thiết lập bước đầu.

- Cục diện mở cửa đối ngoại đa phương hóa, đa tầng nấc trên nhiều lĩnh vực rộng rãi đã cơ bản được hình thành.

Thứ hai, mức sống của người dân về tổng thể đạt mức khá giả.

Thứ ba, công cuộc xây dựng nền chính trị dân chủ, văn minh, tinh thần xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ.

Năm 2004, tăng trưởng GDP của Trung Quốc đạt khoảng 9,5% (6). Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm 2004 khoảng 1.100 tỉ USD, đứng thứ ba trên thế giới (7), riêng xuất khẩu khoảng 600 tỉ USD. Dự trữ ngoại tệ khoảng 608 tỉ USD, đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt khoảng 60 tỉ USD. Sau 15 năm đàm phán (từ năm 1986 đến tháng 11-2001), Trung Quốc đã trở thành thành viên chính thức của WTO. Đây là kết quả thắng lợi của một quá trình bền bỉ đàm phán, đánh dấu mốc son quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước này. Để có được thành quả trên, Trung Quốc đã áp dụng hai biện pháp chính sau (8):

Một là, đẩy mạnh cải cách kinh tế mật dịch và nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa; mặt khác, cải cách quản lý ngoại thương, hủy bỏ trợ cấp xuất khẩu, thực hiện tự chịu lỗ lãi. Từ năm 1994, hủy bỏ kế hoạch có tính mệnh lệnh đối với tổng mức nhập khẩu, thu ngoại hối xuất khẩu và dùng ngoại hối để nhập khẩu, thực hiện từng bước điều chỉnh tỷ giá ngoại hối cho sát với thực tế. Năm 1996, thực hiện chính sách chuyển đổi đồng nhân dân tệ trong các hạng mục thông thường.

Hai là, từng bước mở cửa thị trường một cách công bằng. Để đạt được tiêu chuẩn gia nhập WTO, từ năm 1992 đến năm 1997, Trung Quốc đã 5 lần hạ thấp tỷ lệ thuế quan. Ngày 11-12-2004 đánh dấu giai đoạn phát triển mới của tiến trình mở cửa thị trường Trung

Quốc sau khi nước này kết thúc giai đoạn quá độ 3 năm gia nhập WTO. Đã đến lúc Trung Quốc chấm dứt bảo hộ tại hầu hết các ngành nghề của mình. Theo cam kết khi gia nhập WTO, Trung Quốc sẽ phải giảm thuế quan xuống còn 10,1% vào năm 2005 và xuống mức dưới 10% vào năm 2008. Như vậy thị trường hoàn toàn mở cửa, đặc biệt là ngành dịch vụ.

2 - Hợp tác kinh tế - thương mại Việt Nam - Trung Quốc

Kể từ khi quan hệ Trung - Việt được bình thường hóa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản hai nước, các quan hệ hợp tác trên mọi lĩnh vực đã đạt được những bước tiến vượt bậc (9).

Về chính trị, trong những năm gần đây, hai Đảng, hai Nhà nước liên tục có những cuộc thăm lẫn nhau ở cấp cao nhất. Năm 2001, trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào (lúc đó là Phó Chủ tịch nước), hai Đảng, hai Nhà nước Việt Nam - Trung Quốc đã tái khẳng định khuôn khổ phát triển hợp tác trong thế kỷ mới với phương châm 16 chữ: "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai". Hai Đảng đã nhiều lần tổ chức hội thảo khoa học về kinh nghiệm xây dựng nền kinh tế thị trường ở mỗi nước; con đường xây dựng và đi lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân chủ hóa cơ sở. Với sự cố gắng của cả hai bên, hai nước đã ký kết Hiệp ước về biên giới trên đất liền (30-12-1999), thư phê chuẩn Hiệp định phân định vịnh Bắc bộ, Hiệp định hợp tác nghề cá ở vịnh Bắc bộ (30-06-2004) (10). Đặc biệt, để đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hợp tác song phương, gần đây,

(6) Báo Nhân Dân, ngày 29-3-2005, tr 1

(7) Tin Kinh tế, ngày 19-11-2004, tr 10

(8) Xem: Nguyễn Văn Vĩnh: "Từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Trung Quốc", *Tạp chí Cộng sản*, số 1, tháng 1-2005, tr 68

(9) Xem: Tề Kiến Quốc: "Xây dựng toàn diện xã hội khá giả, thúc đẩy quan hệ Việt - Trung", *Tạp chí Cộng sản*, số 18, tháng 9-2004, tr 74

phía Việt Nam, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã có chuyến thăm chính thức Trung Quốc từ ngày 18 đến ngày 22-7-2005. Chủ tịch đã hội đàm với Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào, hội kiến với quan chức cấp cao Trung Quốc. Trong chuyến thăm này, hai nước đã ký Thông cáo chung, nâng quan hệ hai nước lên một tầm cao mới. Bản Thông cáo chung nhấn mạnh: Tình hữu nghị Việt Trung là tài sản quý báu, cần được hết sức quý trọng. Trong quan hệ thương mại song phương, hai bên phải thu hẹp dần sự mất cân đối trong buôn bán hai chiều; phối hợp nghiên cứu và thực thi về hai hành lang kinh tế và vành đai kinh tế vịnh Bắc bộ. Tiến hành phân giới cắm mốc trên đất liền, chậm nhất vào năm 2008. Hai bên đồng ý tuân thủ tôn chỉ, nguyên tắc của "Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC) cùng nhau giữ gìn ổn định tình hình trên biển Đông" (11).

Về kinh tế, những năm qua quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc đã phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Trong lĩnh vực thương mại, kể từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ trước, kim ngạch buôn bán giữa hai nước đã tăng lên đáng kể. Tính từ năm 1991 đến năm 2003, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa hai bên từ 32,23 triệu USD tăng lên tới 4,63 tỉ USD, tăng hơn 144 lần. Riêng năm 2004, con số này tăng lên là 7,2 tỉ USD, tăng 190 lần trong vòng 13 năm (12).

Theo thống kê, xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc khoảng 2,5 - 2,7 tỉ USD năm 2004, đưa Trung Quốc lên bạn hàng thứ ba, sau Mỹ (khoảng 6 tỉ USD) và EU (khoảng 4,5 tỉ USD). Còn xuất khẩu của Trung Quốc sang Việt Nam năm 2004 đạt từ 4,5 - 5 tỉ USD. Như vậy, mặc dù phát triển với tốc độ rất nhanh, nhưng cán cân thương mại Việt - Trung còn quá chênh lệch. Hằng năm, Việt Nam phải nhập siêu từ Trung Quốc khoảng 2 - 2,5 tỉ USD. Bởi vậy, mục tiêu của Việt Nam là thu hẹp đáng kể cán cân thương mại trong vài năm tới.

Điều này là không dễ dàng, do một số mặt hàng của Trung Quốc có tính cạnh tranh hơn hàng Việt Nam tại một số địa bàn. Trong số đó, nổi bật là hàng dệt may và giày dép. Đây là hai mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Trung Quốc, có nhiều lợi thế cạnh tranh hơn chúng ta. Trong chuyến thăm Trung Quốc vừa qua, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã đánh giá cao sự tăng trưởng đột biến của kim ngạch mậu dịch song phương, với đà tăng trưởng cỡ 40% - 50% một năm, mở ra khả năng đạt được mục tiêu 10 tỉ USD đã đề ra (năm 2010) trước kỳ hạn 3 năm (năm 2007). Hai bên cũng đã đề ra mục tiêu mới cho kim ngạch song phương vào năm 2010 đạt 15 tỉ USD, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của việc xây dựng khu mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc. Việt Nam sẵn sàng tham gia Hội chợ Trung Quốc - ASEAN tổ chức hằng năm tại Nam Ninh; phối hợp với Trung Quốc trong các diễn đàn hợp tác đa phương như APEC, các nước tiểu vùng sông Mê Công (GMS)...

Trong lĩnh vực đầu tư, năm 2004, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tăng trở lại (4,2 tỉ USD) sau nhiều năm tăng chậm, trong đó có 2,3 tỉ USD là vốn đăng ký mới và 1,8 tỉ USD là vốn đăng ký bổ sung, đạt mức cao nhất trong 5 năm gần đây. Các quốc gia và vùng lãnh thổ có nhiều vốn đầu tư vào Việt Nam bao gồm Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ca-na-đa, Xin-ga-po, Trung Quốc, Hồng Kông (13). Như vậy, từ vị trí đứng thứ 22 trong số hơn 69 nước và vùng lãnh thổ có đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, đến năm 2004, Trung Quốc đã trở thành nước có vị trí đứng hàng thứ 14. Cùng với sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, ổn định về chính trị của hai nước, đầu tư trực tiếp

(10), (11) Xem: Tề Kiến Quốc: *Tài liệu đã dẫn*, tr 75

(12) Báo Nhân Dân, ngày 22-7-2005, tr 1

(13) Nguyễn Sinh Cúc: "Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2004 và dự báo năm 2005", *Tạp chí Cộng sản*, số 1, tháng 1-2005, tr 9

của Trung Quốc vào Việt Nam đã tăng lên đáng kể, cả về số lượng hạng mục và kim ngạch đầu tư. Về hạng mục, đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc vào Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2003 đã tăng từ 1 hạng mục (1991) lên đến 249 hạng mục (2003) và 330 hạng mục tính đến tháng 6-2005. Địa bàn đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam trải dài từ Bắc vào Nam, ở hầu hết 42 tỉnh, thành cả nước như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Giang, thành phố Hồ Chí Minh... Nhân chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch nước Trần Đức Lương vừa qua, hơn 200 doanh nghiệp Việt Nam, chủ yếu là các tổng công ty đã ký kết hợp tác đầu tư với các doanh nghiệp Trung Quốc với số vốn lên đến 1,9 tỉ USD, tập trung vào một số ngành như: công nghiệp (đóng tàu, nhiệt điện, nhà máy thép...), chế biến nông sản, du lịch... Đáng chú ý nhất là hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép tại Việt Nam có trị giá lên tới 500 triệu USD. Ngoài ra còn một số hợp đồng lớn như: dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả trị giá 280 triệu USD; dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện chạy than 200MW tại Bắc Giang, trị giá 173 triệu USD; dự án đầu tư mở rộng nhà máy kính Cẩm Phả, trị giá 12 triệu USD; hợp đồng xuất khẩu sản lát cho Trung Quốc trị giá 12 triệu USD; hợp đồng hợp tác về lĩnh vực điện tử, điện lạnh...

Kể từ khi bình thường hóa quan hệ giữa hai nước (10-11-1991) đến nay, quan hệ hợp tác thương mại, đầu tư giữa hai nước đã phát triển rất nhanh. Điều đó đã đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế cũng như tiêu dùng của người dân hai nước, phù hợp với xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy vậy, sự phát triển đó còn chưa thật tương xứng với tiềm năng của hai nước. Bên cạnh những thành tựu, lĩnh vực đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như vốn thực hiện mới chỉ chiếm 26% tổng số vốn đầu tư, quy mô dự án còn

chưa lớn, có khoảng 18% số dự án bị giải thể. Về lĩnh vực thương mại, hai nước đã có tăng trưởng đột phá về kim ngạch mậu dịch song phương (năm 2004 thương mại hai chiều đạt 7,2 tỉ USD, dự kiến năm 2007 đạt 10 tỉ USD và năm 2010 ước đạt 15 tỉ USD). Song mức nhập siêu của Việt Nam ngày càng lớn, xét về lâu dài không có lợi cho việc tăng trưởng ổn định của kim ngạch song phương. Do đó, để tạo động lực mới, hai bên phải thực hiện các giải pháp mạnh mẽ nhằm giảm dần mức nhập siêu của Việt Nam. Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc đã nhận định: *"Hai bên hài lòng trước những thành quả rõ rệt đạt được trong quan hệ thương mại giữa hai nước trên tinh thần tích cực, thiết thực, hai bên nhất trí không ngừng mở rộng quy mô thương mại, thu hẹp dần sự mất cân đối trong thương mại song phương, đẩy nhanh việc thực hiện các dự án hợp tác đã xác định; tích cực khuyến khích và ủng hộ doanh nghiệp hai bên triển khai hợp tác lâu dài trong các dự án cơ sở hạ tầng và công nghiệp quan trọng, không ngừng nâng cao trình độ và chất lượng hợp tác; kịp thời giải quyết các trở ngại và vấn đề nảy sinh trong hợp tác kinh tế thương mại, tạo thêm thuận lợi để doanh nghiệp hai bên triển khai hợp tác"* (14).

Trong cuộc cạnh tranh gay gắt trên thị trường thế giới hiện nay, với bối cảnh hình thành khu mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc trong tương lai, việc Trung Quốc đã gia nhập WTO và Việt Nam phấn đấu sớm gia nhập tổ chức này, tất cả đều đòi hỏi hai nước phải nỗ lực hơn nữa trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là nâng cao sức cạnh tranh hàng hóa; xây dựng chiến lược xuất khẩu hàng hóa đúng đắn, có thương hiệu rõ ràng; không ngừng hòa nhập với nền kinh tế thế giới; phát huy mạnh mẽ nội lực, thu được những lợi ích, hiệu quả to lớn, phục vụ mạnh mẽ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

(14) Báo Nhân Dân, ngày 22-7-2005, tr 1